

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 21.09.2018

Phiên bản 3.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	2-Propanol dried (max. 0.005% H ₂ O) SeccoSolv®
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	67-63-0

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Dung môi Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Công ty TNHH TM-DV Văn Cao (www.hoachatvancao.vn).
--	--

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Đơn vị phân phối	Cty TNHH TM-DV VĂN CAO 160/87 PHAN HUY ÍCH, PHƯỜNG 12, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM
------------------	--

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: 0903.753.735

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ thần kinh trung ương, H336

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P240 Tiếp xúc/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

Biện pháp ứng phó

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Lưu trữ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

Ghi nhãn bị giảm (≤125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Các lưu ý phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

Chỉ số-Số

603-117-00-0

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	CH ₃ CH(OH)CH ₃	C ₃ H ₈ O (Hill)
Chỉ số-Số	603-117-00-0	
Số EC	200-661-7	
Khối lượng mol	60,1 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

2-Propanol (<= 100 %)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

67-63-0 *)

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

lẻ), Nhóm 3, H336

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rủi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng. Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Đau đầu, tình trạng lơ mơ, liệt hô hấp, Buồn ngủ, Chóng mặt, say rượu, mê man, Bất tỉnh, Hôn mê

Hiệu ứng mất nước khiến da bị thô và nứt nẻ.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Bọt, Carbon diôxit (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ môi trường.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

Thông tin khác

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemizorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Được bảo vệ tránh ánh sáng.

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,40 mm
Thời gian thấm:	480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	polychloroprene
Độ dày của găng:	0,65 mm
Thời gian thấm:	120 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 730 Camatril® -Velours (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 720 Camapren® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xít.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm 2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Nguy cơ nổ.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	giống cồn
Ngưỡng mùi	1,0 - 196,1 ppm
Độ pH	ở 20 °C trung tính
Điểm nóng chảy	-89,5 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	82,4 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	12 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	2 %(V)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm 2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Giới hạn trên của cháy nổ 13,4 %(V)

Áp suất hóa hơi 43 hPa
ở 20 °C

Tỷ trọng hơi tương đối 2,07

Mật độ 0,786 g/cm³
ở 20 °C

Tỷ trọng tương đối Không có thông tin.

Tính tan trong nước ở 20 °C
hòa tan được

Hệ số phân tán: n-octanol/nước log Pow: 0,05
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107
Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

Nhiệt độ tự bốc cháy Không có thông tin.

Nhiệt độ phân hủy Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.

Độ nhớt, động lực 2,2 mPa.s
ở 20 °C

Đặc tính cháy nổ Không được phân loại là dễ nổ.

Đặc tính ôxy hóa không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy 425 °C
Phương pháp: DIN 51794

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm 2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Năng lượng cháy cực tiểu 0,65 mJ

Tính dẫn < 0,1 μS/cm

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Có thể hình thành peroxit

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

10.2 Tính ổn định hóa học

Nhạy cảm với ánh sáng

Nhạy với không khí.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

clorat, Phosgene, hợp chất nitro hữu cơ, hydro peroxide, perchlorat, tác nhân oxi hóa mạnh, Axit nitric, nitơ đioxit

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

Các kim loại kiềm, Các kim loại đất kiềm, oxit crôm (VI)

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Andehyt, Amin, axit sulfuric bốc khói, Sắt, Nhôm, Clo, PHOSPHORUS TRICHLORIDE, Axit mạnh, hợp chất halogen, kali tert-butanolat

10.4 Các điều kiện cần tránh

Làm ấm.

10.5 Các vật liệu xung khắc

cao su, đồ nhựa khác nhau, dầu

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Peroxit

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 5.045 mg/kg

(RTECS)

Triệu chứng: Rủi ro hít vào khi nôn ra., Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.

Độc tính cấp do hít phải

LC50 Chuột: 37,5 mg/l; 4 h ; hơi

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

Triệu chứng: Hư hỏng có thể; kích thích màng nhầy

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: 12.800 mg/kg

(RTECS)

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng da

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Hiệu ứng mất nước khiến da bị thô và nứt nẻ.

Kích ứng mắt

Thỏ

Kết quả: Kích ứng mắt

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm

Thử nghiệm Buehler Chuột lang

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể

Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)

Chuột nhắt

Đực và cái

Bơm vào trong màng bụng

Tủy xương

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 474

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

Salmonella typhimurium

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 476

Độc tính gây ung thư

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 451

Không cho thấy các ảnh hưởng gây ung thư trong các thí nghiệm trên động vật.

Độc tính đối với sinh sản

Không có thí nghiệm suy giảm khả năng sinh sản ở động vật. IUCLID)

Độc tính gây quái thai

Không thấy các tác nhân gây quái thai trong các thí nghiệm trên động vật. IUCLID)

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ:

Đau đầu, Chóng mặt, say rượu, Bất tỉnh, mê man

Sau khi hấp thụ một lượng lớn:

liệt hô hấp, Hôn mê

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

Thử nghiệm chảy LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 9.640 mg/l; 96 h

US-EPA

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 13.299 mg/l; 48 h

IUCLID)

Độc đối với tảo

IC50 Desmodesmus subspicatus (tảo lục): > 1.000 mg/l; 72 h

IUCLID)

Độc tính đối với vi khuẩn

EC5 Pseudomonas putida (Vi khuẩn Pseudomonas putida): 1.050 mg/l; 16 h

(Lít)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

95 %; 21 d; hiếu khí

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301E

Dễ phân huỷ sinh học.

Nhu cầu oxy trên lý thuyết (ThOD)

2.400 mg/g

(Lít)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Ratio BOD/ThBOD

BOD5 49 %

IUCLID)

Ratio COD/ThBOD

96 %

(Lít)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 0,05

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1219
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ISOPROPANOL
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1219
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ISOPROPANOL
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 1219

14.2 Tên vận chuyển thích hợp ISOPROPANOL

14.3 Hạng 3

14.4 Nhóm đóng gói II

14.5 môi trường độc hại --

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có

EmS F-E S-D

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 3

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho chất này.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Tên sản phẩm

2-Propanol dried (max. 0.005% H₂O) SeccoSolv®

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

Biện pháp ứng phó

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.